

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 39

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên	
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban	
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên	
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Hồng Thúy	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Phạm Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Doãn Liêm, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61517483/22574428 - LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.084.155.478.550	1.110.184.421.789
110	I. Tiền	4	25.467.337.669	21.865.758.073
111	1. Tiền		25.467.337.669	21.865.758.073
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		506.560.243.953	550.569.853.548
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	502.641.611.931	546.593.507.747
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	7.434.018.501	7.780.642.906
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.301.027.498	3.509.828.835
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(8.816.413.977)	(7.314.125.940)
140	III. Hàng tồn kho	8	533.620.916.751	521.559.928.446
141	1. Hàng tồn kho		546.541.278.816	531.549.663.980
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.920.362.065)	(9.989.735.534)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		18.506.980.177	16.188.881.722
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.040.840.193	894.830.916
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.991.988.746	15.272.799.899
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	474.151.238	21.250.907
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		159.341.307.696	163.425.001.180
220	I. Tài sản cố định		103.211.039.056	74.408.758.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	75.345.806.256	46.543.526.117
222	Nguyên giá		205.857.616.894	173.642.281.799
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(130.511.810.638)	(127.098.755.682)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	27.865.232.800	27.865.232.800
228	Nguyên giá		30.571.666.000	30.571.666.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	34.801.626.759
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	34.801.626.759
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	24.755.393.577	24.755.393.577
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.177.872.461	25.177.872.461
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(422.478.884)	(422.478.884)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		31.374.875.063	29.459.221.927
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	31.374.875.063	29.459.221.927
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.243.496.786.246	1.273.609.422.969

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.003.268.907.454	1.015.832.417.958
310	I. Nợ ngắn hạn		1.003.268.907.454	1.015.832.417.958
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	467.762.286.304	536.302.944.395
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	1.165.845.670	8.539.534.844
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.854.932.674	3.806.531.533
314	4. Phải trả người lao động		12.254.869.948	15.952.024.219
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	280.421.766	4.316.855.205
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	65.575.372.167	26.222.267.668
320	7. Vay ngắn hạn	18	451.062.823.898	419.053.295.067
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	3.312.355.027	1.638.965.027
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		240.227.878.792	257.777.005.011
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	240.227.878.792	257.777.005.011
411	1. Vốn cổ phần		209.790.000.000	209.790.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.790.000.000	209.790.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.444.991.780	2.444.991.780
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.992.887.012	45.542.013.231
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.390.492.653	8.479.547.244
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		17.602.394.359	37.062.465.987
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.243.496.786.246	1.273.609.422.969

Người lập
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư

Tổng Giám đốc
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	902.198.138.618	986.222.739.070
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	(96.282.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	902.198.138.618	986.126.457.070
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(786.899.237.019)	(858.190.199.250)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.298.901.599	127.936.257.820
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	8.618.976.000	6.141.560.504
22	7. Chi phí tài chính	24	(13.569.007.106)	(25.197.161.819)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	<i>(10.839.404.049)</i>	<i>(16.126.530.275)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	25	(62.673.112.466)	(65.173.293.056)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(21.218.001.051)	(19.875.959.702)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.457.756.976	23.831.403.747
31	11. Thu nhập khác		165.851.199	438.670.690
32	12. Chi phí khác		(418.025.341)	(94.933.129)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(252.174.142)	343.737.561
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.205.582.834	24.175.141.308
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(5.103.188.475)	(4.625.249.487)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.102.394.359	19.549.891.821
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	922	812
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	922	812

Người lập
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư

Tổng Giám đốc
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		26.205.582.834	24.175.141.308
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất trả trước dài hạn		3.923.678.090	3.522.511.931
03	Trích lập các khoản dự phòng		9.256.502.752	5.276.595.115
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.318.838.844	5.467.975.776
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.227.668.080)	(1.159.508.500)
06	Chi phí lãi vay	24	10.839.404.049	16.126.530.275
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50.316.338.489	53.409.245.905
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		42.335.232.380	(24.761.658.115)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(19.815.203.020)	33.582.662.919
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(76.784.495.562)	(53.001.336.549)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.572.285.547)	(200.958.073)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.875.837.488)	(16.117.691.944)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.500.000.000)	(6.350.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.411.730.578)	(5.489.097.106)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(28.307.981.326)	(18.928.832.963)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(281.497.199)	(1.492.903.591)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		227.668.080	1.159.508.500
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(53.829.119)	(333.395.091)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		588.105.762.311	731.765.890.260
34	Tiền trả nợ gốc vay		(556.096.233.480)	(723.061.511.491)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.930.000)	(7.170.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		31.981.598.831	8.697.208.769
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.619.788.386	(10.565.019.285)
60	Tiền đầu kỳ		21.865.758.073	27.565.489.382
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.208.790)	3.300.503
70	Tiền cuối kỳ	4	25.467.337.669	17.003.770.600

Người lập
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất và kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 336 (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 346).

Cấu trúc Công ty

Công ty có 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (“đơn vị trực thuộc”). Chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, Trung tâm Phân phối Dược và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phan Lãng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lenin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được cân trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán của niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê lần lượt từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	902.899.202	4.155.511.573
Tiền gửi ngân hàng	24.564.438.467	17.710.246.500
TỔNG CỘNG	25.467.337.669	21.865.758.073

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Trình bày lại) (*)</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	501.009.360.681	544.865.023.997
<i>Bệnh Viện Chợ Rẫy</i>	<i>30.959.645.865</i>	<i>30.856.833.364</i>
<i>Bệnh viện K</i>	<i>17.505.473.661</i>	<i>13.202.416.800</i>
<i>Bệnh viện Bạch Mai</i>	<i>13.538.475.900</i>	<i>17.423.674.250</i>
<i>Bệnh Viện Đa khoa Tỉnh Gia Lai</i>	<i>9.807.631.124</i>	<i>17.839.956.611</i>
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô</i>	<i>10.965.871.499</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>418.232.262.632</i>	<i>465.542.142.972</i>
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	1.632.251.250	1.728.483.750
TỔNG CỘNG	502.641.611.931	546.593.507.747
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(8.816.413.977)</i>	<i>(7.314.125.940)</i>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, một số khoản công nợ phải thu đã được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 18.

(*) Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để phù hợp với cách trình bày tại ngày kết thúc của kỳ hiện tại.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Trả trước cho người bán	7.425.356.001	7.780.642.906
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Đại Đức Hưng – Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>3.825.200.001</i>	<i>4.025.200.001</i>
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Nhất Anh</i>	<i>1.883.561.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Thương Mại Anh Pharma</i>	<i>940.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Song Sơn</i>	<i>-</i>	<i>1.220.000.000</i>
<i>Fitosila Limited Liability Company</i>	<i>-</i>	<i>1.023.894.923</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>776.595.000</i>	<i>1.511.547.982</i>
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	8.662.500	-
TỔNG CỘNG	7.434.018.501	7.780.642.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ (*)	2.356.461.157	-	1.057.329.994	-
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác (*)	122.151.998	-	132.693.651	-
Phải thu cổ tức	1.000.000.000	-	-	-
Phải thu tiền bồi thường từ nhà cung cấp	625.520.881	-	1.137.886.881	-
Ký quỹ, ký cược	437.937.422	-	225.100.844	-
Phải thu ngắn hạn khác	758.956.040	-	956.817.465	-
TỔNG CỘNG	5.301.027.498	-	3.509.828.835	-

(*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng ủy thác đã hoàn thành trong kỳ và đã được Công ty thanh toán cho nhà cung cấp nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bệnh Viện Chợ Rẫy	5.631.387.876	3.941.971.513	5.963.835.568	4.174.684.898
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Gia Lai	3.121.279.999	2.184.895.999	5.304.799.999	3.713.359.999
Chi Nhánh - Công ty Cổ Phần Thương Mại Quốc Tế Đại Đức Hưng	3.825.200.001	2.277.640.001	3.825.200.001	3.825.200.001
Trung tâm y tế huyện Yên Thủy	1.287.594.700	777.704.290	618.060.000	432.642.000
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi khác	11.388.837.352	7.255.674.148	9.903.135.755	6.155.018.485
TỔNG CỘNG	25.254.299.928	16.437.885.951	25.615.031.323	18.300.905.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	158.371.171.177	-	81.715.223.310	-
Hàng hóa	388.170.107.639	(12.920.362.065)	449.834.440.670	(9.989.735.534)
TỔNG CỘNG	546.541.278.816	(12.920.362.065)	531.549.663.980	(9.989.735.534)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 96.700 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 101.608 triệu VND) được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	9.989.735.534	17.118.936.286
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	7.754.214.715	5.446.899.900
Trừ: Sử dụng dự phòng trong kỳ	(4.823.588.184)	(10.401.068.936)
Số cuối kỳ	12.920.362.065	12.164.767.250

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	125.950.549.481	27.044.708.042	17.328.712.232	3.318.312.044	173.642.281.799
- Đầu tư XD CB hoàn thành	26.415.216.054	392.988.529	5.241.484.512	-	32.049.689.095
- Mua trong kỳ	-	125.146.000	-	40.500.000	165.646.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	152.365.765.535	27.562.842.571	22.570.196.744	3.358.812.044	205.857.616.894
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	75.007.234.077	18.742.983.244	14.484.100.415	1.155.656.745	109.389.974.481
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	87.224.492.752	22.671.206.243	15.115.107.206	2.087.949.481	127.098.755.682
- Khấu hao trong kỳ	1.796.463.279	822.690.518	575.666.867	218.234.292	3.413.054.956
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	89.020.956.031	23.493.896.761	15.690.774.073	2.306.183.773	130.511.810.638
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	38.726.056.729	4.373.501.799	2.213.605.026	1.230.362.563	46.543.526.117
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	63.344.809.504	4.068.945.810	6.879.422.671	1.052.628.271	75.345.806.256

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 18 với giá trị còn lại là 28.397.225.989 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	27.865.232.800	-	27.865.232.800

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Kho Tân Tạo - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	34.801.626.759
TỔNG CỘNG	-	34.801.626.759

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (i)	2.000.000	20.443.659.675	-	2.000.000	20.443.659.675	-	99.600.000.000
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	67.082	2.790.867.722	(260.031.722)	60.984	2.790.867.722	(260.031.722)	2.530.836.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	99.825	971.029.662	(162.447.162)	99.825	971.029.662	(162.447.162)	808.582.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm (i)	17.600	300.659.375	-	17.600	300.659.375	-	528.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (i)	18.000	472.871.724	-	18.000	472.871.724	-	563.400.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyền Quang	18.000	197.784.303	-	18.000	197.784.303	-	(ii)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	10	1.000.000	-	10	1.000.000	-	(ii)
TỔNG CỘNG		25.177.872.461	(422.478.884)		25.177.872.461	(422.478.884)	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

(ii) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của giá trị đầu tư tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	1.429.664.971	630.343.350
Công cụ, dụng cụ	207.472.222	-
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	403.703.000	264.487.566
TỔNG CỘNG	2.040.840.193	894.830.916
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	28.508.348.793	29.018.971.927
Công cụ, dụng cụ	2.719.776.270	-
Chi phí sửa chữa tài sản	146.750.000	440.250.000
TỔNG CỘNG	31.374.875.063	29.459.221.927

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Trình bày lại) (*)</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	461.825.350.589	461.825.350.589	531.276.738.016	531.276.738.016
<i>Công ty TNHH</i>				
<i>Hyphens Pharma</i>	127.364.793.360	127.364.793.360	153.216.477.312	153.216.477.312
<i>Công ty TNHH MI</i>	69.068.725.000	69.068.725.000	-	-
<i>Pharma</i>				
<i>Công ty TNHH</i>				
<i>B.Braun Việt Nam</i>	51.275.512.111	51.275.512.111	85.827.641.816	85.827.641.816
<i>Phải trả khác</i>	214.116.320.118	214.116.320.118	292.232.618.888	292.232.618.888
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	5.936.935.715	5.936.935.715	5.026.206.379	5.026.206.379
TỔNG CỘNG	467.762.286.304	467.762.286.304	536.302.944.395	536.302.944.395

(*) Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để phù hợp với cách trình bày tại ngày kết thúc của kỳ hiện tại.

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	-	6.456.339.577
Công ty TNHH MTV Bệnh Viện Đại học Y Dược Shing Mark	216.872.002	305.870.712
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	948.973.668	1.777.324.555
TỔNG CỘNG	1.165.845.670	8.539.534.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.236.437.311	24.585.753.408	(24.076.542.187)	1.745.648.532
Thuế nhập khẩu	-	1.298.157.957	(1.298.157.957)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 27</i>)	943.911.194	5.103.188.475	(6.047.099.669)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.626.183.028	1.566.978.032	(3.083.876.918)	109.284.142
Thuế sử dụng đất	-	2.465.826.644	(2.465.826.644)	-
Phí, lệ phí	-	426.275.341	(426.275.341)	-
TỔNG CỘNG	3.806.531.533	35.446.179.857	(37.397.778.716)	1.854.932.674
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	452.900.331	-	452.900.331
Thuế giá trị gia tăng	21.250.907	-	-	21.250.907
TỔNG CỘNG	21.250.907	452.900.331	-	474.151.238

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay trích trước	280.421.766	316.855.205
Chi phí thưởng kinh doanh trích trước	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	280.421.766	4.316.855.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Cổ tức phải trả	33.697.410.600	158.940.600
Phải trả hàng ủy thác (i)	18.640.895.233	7.516.168.563
Số dư thư tín dụng (LC UPAS) phải trả (ii)	5.599.715.424	12.018.519.534
Phải trả chi phí xây dựng cơ bản	3.344.496.605	3.460.347.804
Kinh phí công đoàn	36.690.020	75.626.420
Các khoản phải trả khác	4.256.164.285	2.992.664.747
TỔNG CỘNG	<u>65.575.372.167</u>	<u>26.222.267.668</u>

- (i) Đây là các khoản phải trả nhà cung cấp từ việc mua các lô hàng nhập khẩu được ủy thác đã hoàn thành trong kỳ.
- (ii) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 liên quan tới nghiệp vụ mua hàng hóa và thanh toán qua LC UPAS với ngân hàng. Thư tín dụng này bằng USD và chịu phí giao dịch là 4%/năm trên số dư tín dụng hàng tháng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	361.987.695.067	361.987.695.067	586.972.362.311	(551.624.233.480)	397.335.823.898	397.335.823.898
Vay cá nhân	57.065.600.000	57.065.600.000	1.133.400.000	(4.472.000.000)	53.727.000.000	53.727.000.000
TỔNG CỘNG	419.053.295.067	419.053.295.067	588.105.762.311	(556.096.233.480)	451.062.823.898	451.062.823.898

Đơn vị tính: VND

18.1. Vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi (VND)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	102.670.682.843	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 6 tháng 10 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 4,7%	Hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty tại kho số 356A Giải Phóng - quận Thanh Xuân - Hà Nội
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	84.824.929.121	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 28 tháng 12 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	3,5% - 4,8%	Các khoản phải thu liên quan đến hàng hóa thương mại được mua từ nguồn vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	74.017.650.420	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 18 tháng 10 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 4,7%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	57.597.294.320	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 26 tháng 10 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 4,8%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	51.148.473.318	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 4,8%	Tài sản cố định được quy định trong hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2656629/2019/HĐBĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	17.735.331.168	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 17 tháng 11 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4,8%	Các khoản phải thu liên quan đến hàng hóa thương mại được mua từ nguồn vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	9.341.462.708	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 23 tháng 7 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 4,8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	397.335.823.898			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.2 Vay cá nhân

Chi tiết các khoản vay cá nhân được trình bày như sau:

Cá nhân	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Vay cán bộ công nhân viên Công ty	41.557.000.000	Thanh toán gốc khi có yêu cầu. Lãi vay trả hàng quý	6%	Tín chấp
Vay các cá nhân khác	12.170.000.000	Thanh toán gốc khi có yêu cầu. Lãi vay trả hàng quý	6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>53.727.000.000</u>			

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	1.638.965.027	2.199.075.029
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 20.1)	5.085.120.578	5.123.422.104
Sử dụng trong kỳ	(3.411.730.578)	(5.489.097.106)
Số cuối kỳ	<u>3.312.355.027</u>	<u>1.833.400.027</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	209.790.000.000	2.444.991.780	43.669.369.348	255.904.361.128
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	19.549.891.821	19.549.891.821
- Chia cổ tức	-	-	(33.566.400.000)	(33.566.400.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2019	-	-	(1.623.422.104)	(1.623.422.104)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2020	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>24.529.439.065</u>	<u>236.764.430.845</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	209.790.000.000	2.444.991.780	45.542.013.231	257.777.005.011
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.102.394.359	21.102.394.359
- Chia cổ tức (*)	-	-	(33.566.400.000)	(33.566.400.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2020 (*)	-	-	(1.273.120.578)	(1.273.120.578)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2021 (*)	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>27.992.887.012</u>	<u>240.227.878.792</u>

(*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 và tạm trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 căn cứ theo Nghị quyết số 981/NQĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	13.721.550	13.721.550	-	13.721.550	13.721.550	-
Cổ đông khác	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000	3.000.000	-
	4.257.450	4.257.450	-	4.257.450	4.257.450	-
TỔNG CỘNG	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>	<u>-</u>	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>	<u>-</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	209.790.000.000	209.790.000.000
Vốn góp tăng/(giảm) trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>209.790.000.000</u>	<u>209.790.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.566.400.000	33.566.400.000

20.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức năm 2020: 1.600 VND/cổ phiếu	33.566.400.000	-
Cổ tức năm 2019: 1.600 VND/cổ phiếu	-	33.566.400.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ	-	-

20.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	40.273.484.591	19.647.902.927
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	34.766	36.803
- EUR	16.257	16.251

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng doanh thu	902.198.138.618	986.222.739.070
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	893.430.947.622	971.846.402.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.767.190.996	14.376.336.124
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(96.282.000)
Hàng bán bị trả lại	-	(96.282.000)
DOANH THU THUẦN	902.198.138.618	986.126.457.070
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	898.896.903.940	981.994.864.635
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.301.234.678	4.131.592.435

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi tiền gửi	16.002.280	18.014.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.211.665.800	1.141.494.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.878.964.567	4.651.419.839
Lãi bán hàng trả chậm	512.343.353	330.632.165
TỔNG CỘNG	8.618.976.000	6.141.560.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	786.899.237.019	858.190.199.250
TỔNG CỘNG	<u>786.899.237.019</u>	<u>858.190.199.250</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	10.839.404.049	16.126.530.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.729.603.057	9.070.631.544
TỔNG CỘNG	<u>13.569.007.106</u>	<u>25.197.161.819</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	27.770.907.833	28.736.281.813
Chi phí vật liệu, bao bì	3.591.011.169	4.049.964.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.922.006.067	20.483.765.983
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.413.054.956	3.011.888.790
Chi phí bán hàng khác	3.976.132.441	8.891.391.614
TỔNG CỘNG	<u>62.673.112.466</u>	<u>65.173.293.056</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	6.445.944.881	6.541.360.659
Chi phí thuê đất	2.913.131.427	2.965.444.826
Dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	1.502.288.037	(170.304.785)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.045.205.518	6.918.286.542
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.311.431.188	3.621.172.460
TỔNG CỘNG	<u>21.218.001.051</u>	<u>19.875.959.702</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại) (*)</i>
Chi phí mua hàng hóa để bán	779.145.022.304	852.743.299.350
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.591.011.169	4.062.297.356
Chi phí nhân công	34.216.852.714	35.277.642.472
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.923.678.090	3.522.511.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.369.719.878	29.856.874.217
Trích lập dự phòng	9.256.502.752	5.276.595.115
Chi phí khác	8.287.563.629	12.500.231.567
TỔNG CỘNG	<u>870.790.350.536</u>	<u>943.239.452.008</u>

(*) Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, bao gồm cả các diễn giải về việc áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Nghị định 68/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành lần lượt vào ngày 24 tháng 2 năm 2017 và ngày 24 tháng 6 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.103.188.475	4.625.249.487
TỔNG CỘNG	<u>5.103.188.475</u>	<u>4.625.249.487</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.205.582.834	24.175.141.308
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	5.241.116.567	4.835.028.261
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	104.405.068	18.520.026
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(242.333.160)	(228.298.800)
Chi phí thuế TNDN	5.103.188.475	4.625.249.487

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	21.954.480.000	21.954.480.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông của công ty	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.071.709.678	1.465.593.835
		Mua hàng hoá và dịch vụ	4.411.455.770	9.450.933.838
		Cổ tức công bố Cổ tức đã nhận	4.800.000.000 -	4.800.000.000 1.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	Bên liên quan khác	Bán hàng hoá	300.000.000	624.873.600
		Mua hàng hoá	1.129.854.000	1.916.453.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bên liên quan khác	Bán hàng hoá	1.929.525.000	1.478.625.000
		Mua hàng hoá	2.930.190.957	2.820.654.352
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	-	562.500.000
		Mua hàng hóa	2.694.780.500	1.609.703.250

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	1.632.251.250	1.728.483.750
TỔNG CỘNG			1.632.251.250	1.728.483.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông lớn của Công ty	Mua hàng hóa	8.662.500	-
TỔNG CỘNG			8.662.500	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông lớn của Công ty	Mua hàng hóa	3.425.894.989	4.730.265.561
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa	1.801.847.461	234.343.936
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa	709.193.265	61.596.882
TỔNG CỘNG			5.936.935.715	5.026.206.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại) (*)
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	417.207.110	451.389.093
Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2021, Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 7 năm 2021	330.681.020	373.993.673
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2021	32.000.000	-
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2021	25.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Công Việt Hải	Thành viên HĐQT đến ngày 29 tháng 5 năm 2020	-	30.000.000
Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2021	5.000.000	-
Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2021	5.000.000	-
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	262.000.280	286.302.673
TỔNG CỘNG		1.106.888.410	1.201.685.439

(*) Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang đi thuê đất và tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	4.793.838.472	4.793.838.472
Từ 1 – 5 năm	23.467.217.700	23.467.217.700
Trên 5 năm	78.870.080.684	81.197.514.330
TỔNG CỘNG	107.131.136.856	109.458.570.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.102.394.359	19.549.891.821
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ	(1.750.000.000)	(2.513.980.568)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.352.394.359	17.035.911.253
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.979.000	20.979.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.979.000	20.979.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	922	812
- Lãi suy giảm	922	812

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm tài chính 2020 và được phân bổ cho kỳ tài chính sáu tháng đầu năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh giảm một nửa khoản tạm trích quỹ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập
Ninh Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc
Nguyễn Doãn Liêm



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

